TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THỐT NỐT - TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28.6.2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa*: ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
1. bà Trần Thúy Kiên
2. ông Tăng Tài Thủ
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Sáu - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 14.4.2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. <u>Nguyên đơn</u>: chị ***Nguyễn Thanh T***, sinh năm 1990, cư ngụ khu vực B, phường C, quận T, tp. Cần Thơ.

2. <u>Bị đơn</u>: anh ***Trần Văn Huy A***, sinh năm 1987, cư ngụ khu vực B, phường C, quận T, tp. Cần Thơ.

3. <u>Người có quyền, lợi ích được bảo vệ</u>:

3.1. cháu Trần Văn Huy H	sinh ngày 15.12.2006
3.2. cháu Trần Thị Thúy L	sinh ngày 18.11.2008
3.3. cháu Trần Thị Thúy N	sinh ngày 02.3.2012
3.4. cháu Trần Văn T	sinh ngày 08.2.2017

(cháu Hoàng, cháu N đang sống với anh Huy A, do Huy A là người giám hộ; cháu L, cháu T đang sống với chị T, do chị T là người giám hộ).

(tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 15.3.2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày*: Do tự nguyện quen biết tìm hiểu và yêu thương nhau nên chị với anh Trần Văn Huy A tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân dân phường C, quận T năm 2012. Vợ chồng sống chung gia đình chồng tại khu vực B, phường C đến khi ly thân.

Do vợ chồng thường hay cải vả, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Huy A không quan tâm chăm sóc vợ con nên từ năm 2019 vợ chồng quyết định sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung tên Trần Văn Huy H - sinh ngày 15.12.2006, Trần Thị Thúy L - sinh ngày 18.11.2008, Trần Thị Thúy N - sinh ngày 02.3.2012 và cháu Trần Văn T - sinh ngày 08.2.2017. Hiện cháu H, cháu N đang sống với Huy A; còn cháu L, cháu T đang sống với chị T; Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu ly hôn đối với anh Trần Văn Huy A; Yêu cầu được quyền nuôi cháu L, cháu T đến trưởng thành; Yêu cầu Huy A có nghĩa vụ nuôi cháu H, cháu N đến trưởng thành; Đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

* *Đối với bị đơn anh A*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ đương sự để thực hiện việc tự khai, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đương sự đều vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành mở phiên họp đối với bị đơn được theo quy định tại khoản 1 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T đối với bị đơn anh Trần Văn Huy A; *Về con chung*: ổn định cho chị T được quyền nuôi 02 con chung tên Trần Thị Thúy L, sinh ngày 18.11.2008 và Trần Văn T, sinh ngày 08.2.2017 đến trưởng thành; Ổn định cho Huy A được quyền nuôi 02 con chung tên Trần Văn Huy H, sinh ngày 15.12.2006 và Trần Thị Thúy N, sinh ngày 02.3.2012 đến trưởng thành - đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này nếu có phát sinh tranh chấp tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí sơ thẩm: chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: chị Nguyễn Thanh T với anh Trần Văn Huy A được gia đình hai bên tác hợp, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận T nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là

“Tranh chấp ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T có đơn xét xử vắng mặt; Bị đơn Trần Văn Huy A đã được tống đạt công khai các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử có căn cứ xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: chị T và anh A chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cải vả, Huy A không quan tâm vợ con nên từ năm 2019 vợ chồng quyết định sống ly thân từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ kiện, chị T kiên quyết ly hôn; Huy A đã được triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không thể hiện mong muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng; Mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng đã bỏ mặc mà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị T với Huy A đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung không thể tồn tại kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Chị T khai vợ chồng có 04 con chung tên Trần Văn Huy H, sinh ngày 15.12.2006, Trần Thị Thúy L, sinh ngày 18.11.2008, Trần Thị Thúy N, sinh ngày 02.3.2012 và cháu Trần Văn T, sinh ngày 08.2.2017. Đang sống với Huy A và chị T. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác. Điều này phù hợp với Giấy khai sinh của các cháu nên có căn cứ xác định cháu H, L, N, T là con chung của chị T và Huy A là sự thật. Theo đó, chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung cháu L, T; yêu cầu Huy A có nghĩa vụ nuôi cháu H, N. Bởi vì suốt thời gian qua và hiện nay L và T vẫn đang sống chung với mẹ, còn H và N sống với cha nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng: Chị T yêu cầu đối trừ nghĩa vụ nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, khoản 1, 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, điều 53, điều 56, điều 81, điều 84 và điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T đối với bị đơn anh Trần Văn Huy A.

1. *Về hôn nhân*: chị Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Trần Văn Huy A.

2. *Về con chung*:

./ Chị Nguyễn Thanh T được quyền nuôi con chung tên Trần Thị Thúy L, sinh ngày 18.11.2008 và Trần Văn T, sinh ngày 08.2.2017 đến trưởng thành.

./ Anh Trần Văn Huy A được quyền nuôi con chung tên Trần Văn Huy H, sinh ngày 15.12.2006 và Trần Thị Thúy N, sinh ngày 02.3.2012 đến trưởng thành.

Đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên không ai phải cấp dưỡng cho con.

Chị T, Huy A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị T, Huy A thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không đề cập giải quyết. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp tài sản chung, nợ chung thì giải quyết thành vụ kiện khác

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: chị Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo phiếu thu số: 0003828 ngày 30.3.2023 thành án phí. Chị T đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tp. Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND quận T.
- THA quận T.
- UBND phường C (nơi đkkh).
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền